TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-PT
Ngày: 16 - 3 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng san lấp mặt bằng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Dương Hùng Quang

***- Thư ký phiên tòa*:**Ông Nguyễn Văn Len – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp về việc tranh chấp hợp đồng san lấp mặt bằng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2020/QĐPT-DS ngày 07tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1974; Cư trú tại: số 113, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh S (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1966; Cư trú tại: số 57 Nguyễn Trung Thành, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1968; Cư trú tại: khu phố 7, phường H, Quận 12, Thành phố H(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975; Cư trú tại: ấp 2, xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty N.G; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C(vắng mặt).

2. Ông Lê Thành P; Cư trú tại: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh C . (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn N – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Phạm Văn N và người được ủy quyền ông Trần Văn D2 trình bày:*

Vào năm 2017 giữa ông N và ông M có thỏa thuận với nhau về việc đào đất đen, san lắp mặt bằng để nuôi tôm công nghệ cao do Công ty N.G làm chủ đầu tư, ông M thuê ông N trực tiếp san lắp mặt bằng phần đất tại xã Tân Ân Tây – huyện Ngọc Hiển, giá trị thỏa thuận thực hiện hơn 200 triệu đồng.

Đến cuối tháng 01/2018 phía ông M đã cho ông N tạm ứng, sau đó phía ông N đã thực hiện xong việc cuốc đất, san lắp mặt bằng, nhưng phía ông M không thanh toán số tiền còn lại cho ông N là 48.420.000 đồng

Nay ông N yêu cầu ông M thanh toán số tiền còn nợ trong hợp đồng cuốc đất, san lắp mặt bằng còn nợ là 48.420.000 đồng. Ngoài ra, ông M không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Phạm Ngọc M trình bày:*

Ông M nhận hợp đồng với Công ty N.G để đào ao nuôi tôm công nghệ cao.

Sau đó, ông M liên hệ với ông N để thỏa thuận với nhau về việc đào đất đen, san lắp mặt bằng đào ao để nuôi tôm công nghệ cao do Công ty N.G làm chủ đầu tư, ông M thuê ông N trực tiếp san lấp mặt bằng phần đất tại xã Tân Ân Tây – huyện Ngọc Hiển, giá trị thỏa thuận thực hiện với ông N khoảng hơn 200 triệu đồng.

Việc thỏa thuận giữa ông N không có liên quan đến Công ty N.G, ông M giao dịch trực tiếp với ông N.

Ông M đã trả cho ông N một phần và còn nợ lại với số tiền là 48.420.000 đồng; Ông M có viết biên nhận nợ cho ông N.

Đến khoảng tháng 05 – 07 năm 2018 thì ông N thực hiện xong việc đào ao theo thỏa thuận với ông M; tuy nhiên, ông M chưa thanh toán số tiền còn lại cho ông N do Công ty N.G chưa thanh toán cho ông, nên ông M không có vốn để trả lại cho ông N.

Sau đó, ông N trực tiếp cùng với ông P đến công trường tại ấp Xẻo Mấm – xã Tân Ân – huyện Ngọc Hiển để giới thiệu và nói ủy quyền (bằng giấy ủy quyền) cho ông Lê Thành P địa chỉ ấp Nhà Củ - xã Quách Phẩm Bắc – huyện Đầm Dơi đến gặp ông M để lấy số tiền còn nợ nêu trên. Khi ông P liên hệ với ông M qua số điện thoại 0948 515 007, gia đình ông M đã trả trực tiếp số tiền nợ của ông N với số tiền 48.420.000 đồng cho ông Lê Thành P trực tiếp nhận, ông P có trực tiếp viết và ký tên vào biên nhận chung với số tiền trả cho ông D2, đồng thời ông M có nhắn tin liên hệ với ông P thể hiện chỉ còn nợ với số tiền là 16.000.000 đồng thì đây là số tiền nợ ông D2; việc đưa tiền cho ông P là do vợ ông M là bà Phạm Thị Tuyết Hồng trực tiếp đưa 140.000.000 đồng cho ông P, sau khi bà Hồng giao tiền cho ông P thì ông P viết biên nhận tiền và giao 02 giấy ủy quyền bản gốc cho bà Hồng quản lý, ông M đưa trực tiếp cho ông P là 5.000.000 đồng tổng số tiền đã đưa cho ông P là

145.000.000 đồng.

Như vậy, ông M đã thanh toán xong số tiền còn nợ là 48.420.000 đồng cho ông N, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

* Đối với Công ty N.G và ông Lê Thành P đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía Công ty và ông P không có văn bản trình bày ý kiến của nội dung vụ kiện và cũng không tham gia phiên họp và phiên hòa giải.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 351, Điều 352 của Bộ luật Dân sự.

- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N đối với ông Phạm Ngọc M về việc thanh toán tiền trong hợp đồng san lắp mặt bằng với số tiền là 48.420.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận với số tiền là 2.421.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 1.210.500 đồng tại biên lai thu tiền số 0005552 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, ông N phải chịu tiếp án phí với số tiền là 1.210.500 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.
Ngày 12-12-2019, ông Phạm Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Phạm Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Cho rằng biên nhận nợ bản gốc giữa ông N với ông M ông N vẫn còn giữ, nên không thể nói ông M trả nợ mà không lấy biên nhận gốc. Hơn nữa, tại cơ quan Công an, ông P xác định là không có nhận tiền, vì Công ty, cũng như ông M không chịu trả tiền, lý do không giao biên nhận nợ gốc. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông N cũng khẳng định không đề nghị xử lý hình sự với ông P trong vụ đòi nợ này; ông N chỉ yêu cầu khởi kiện với ông M. Ông N cũng không có đề nghị giám định bất cứ tài liệu nào có trong hồ sơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị hủy án sơ thẩm để trưng cầu giám định đối với biên nhận tiền của ông P đối với ông M.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:*Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:Căn cứ khoản 1

Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; tuyên xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông . Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Năm 2017 ông N và ông M thỏa thuận bằng miệng là ông N thực hiện việc san lắp, đào ao nuôi tôm công nghệ cao tại phần đất thuộc xã Tân Ân Tây – huyện Ngọc Hiển theo yêu cầu của ông M, sau khi thực hiện xong thì phía ông M còn nợ lại với số tiền 48.420.000 đồng. Các bên hiện chỉ còn tranh chấp với nhau số tiền 48.420.000 đồng, bên ông M xác định trả xong cho ông N (do ông N ủy quyền cho ông P), còn ông N thì cho rằng không có nhận bất cứ khoản tiền thanh toán nào của ông M cũng như ông P.

[3] Xét căn cứ khởi kiện của ông N: Theo hồ sơ thể hiện vào ngày 7-6-2018, ông Phạm Ngọc M có lập 01 biên nhận đối chiếu nợ, nội dung xác định ông M còn nợ ông N số tiền 48.420.000 đồng, hẹn đến ngày 22-6-2018 ông M trả đủ (Bút lục số 02). Sau đó, ông Phạm Văn N lập giấy ủy quyền cho ông Lê Thành P nội dung ủy quyền cho ông P nhận đủ số tiền ông M nợ 48.420.000 đồng (Bút lục số 27). Có được giấy ủy quyền ông P liên hệ đòi ông M trả nợ. Theo ông P xác định không đòi được nợ, vì lý do không mang theo biên nhận nợ gốc. Song, quá trình giải quyết vụ án ông P vắng mặt nên không thực hiện được việc đối chất. Tuy nhiên, đối với ông D2 thì trình bày thống nhất với ông M cho rằng ông P đã nhận tiền từ ông M xong (Bút lục số 53). Đối với ông M thì cho rằng ông đã thanh toán xong cho ông P (do ông N ủy quyền), thể hiện tại biên nhận ông P viết, có nội dung: "Tôi tên: Lê Thành P có nhận số tiền của anh Điệp (Đẹp) và anh N". Đồng thời, ông M cũng xác định quá trình thanh toán thì ông M và ông P cũng dã nhắn tin nhiều lần thể hiện việc đòi nợ và trả tiền (Bút lục số: 53a, 53b, 43c). Tuy nhiên, từ cấp sơ thẩm, ông N trình bày ông có ủy quyền cho ông P đòi nợ nhưng sau đó đã rút lại việc ủy quyền này (nên giấy ủy quyền cho ông P không còn giá trị), nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án ông N không có chứng cứ gì chứng minh sự việc này.Đồng thời, ông N cũng cho rằng tại cơ quan Công an ông P cũng xác định không nhận được tiền từ Công ty N.G hoặc ông M đồng nào cả, nhưng cả ông P, ông N đều không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh, trong khi biên nhận tiền thì ông P đã ký nhận tiền của ông M. Từ những căn cứ trên, cho thấy ông M đã thanh toán nợ xong cho ông N (thông qua người nhận ủy quyền là ông P), Bản án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của ông N là phù hợp luật định. Nay, ông N tiếp tục kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh, nên yêu cầu kháng cáo của ông không được chấp nhận, xét cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[4] Trong vụ án này, nếu ông P nhận tiền xong không thực hiện việc bàn giao lại cho ông N, thì ông N được quyền kiện ông P hoàn trả số tiền đã nhận. Tuy nhiên, ông N khẳng định không kiện ông P cũng như không đề nghị xử lý hình sự với ông P, đó là quyền tự định đoạt của ông N. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã xử lý là phù hợp, nên được giữ y.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí 300.000 đồng, đã dự nộp chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N đối với ông Phạm Ngọc M về việc thanh toán tiền trong hợp đồng san lắp mặt bằng với số tiền là 48.420.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn N phải chịu 2.421.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 1.210.500 đồng tại biên lai thu tiền số 0005552 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, ông N phải chịu tiếp án phí với số tiền là 1.210.500 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng, ông N đã dự nộp theo biên lai thu số: 0005996 ngày 14-12-2019 tại Chi cục thi hành án huyện Ngọc Hiển được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út